# Review 4

**Giải Tiếng Anh lớp 12 Review 4 - ILearn Smart World**  
**Listening (trang 120 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**You will hear an interview with an expert on AI named Professor Sanders. For each question, choose the correct answer (A, B, or C).** (Bạn sẽ nghe một cuộc phỏng vấn với một chuyên gia về AI, giáo sư Sanders. Với mỗi câu hỏi, hãy chọn câu trả lời đúng (A, B hoặc C).)  
1. Professor Sanders thinks that AI will …  
A. worry people.  
B. create jobs.  
C. destroy jobs.   
2. He says that AI ...   
A. needs human operators.  
B. can develop itself.  
C. is a human-like robot.  
3. How will AI help people soon?  
A. make them think about data  
B. make decisions for them  
C. make their lives easier  
4. For personal finance, many people ...  
A. have lots of bills.  
B. aren't good at saving.  
C. could benefit from AI's help.  
5. What does Professor Sanders think about flying cars?  
A. We have the technology to make them.  
B. They can do complex tasks.  
C. We might have them in 15 years.  
6. He thinks that AI ...  
A. will make life better.  
B. could make life better.  
C. won't make life better.  
CD2-77  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. B  
  
  
2. A  
  
  
3. C  
  
  
4. C  
  
  
5. C  
  
  
6. B  
  
  
  
  
**Giải thích:**  
1. Thông tin: Professor Sanders: I know some people are worried that AI will take over their jobs. However, AI will actually create more jobs than it will destroy. (Tôi biết một số người lo lắng rằng AI sẽ cướp mất đi công việc của họ. Tuy nhiên, trên thực tế AI sẽ tạo ra nhiều việc làm hơn là cướp đi.)  
2. Thông tin: Professor Sanders: Let's remember that AI needs humans to maintain and develop. (Hãy nhớ rằng AI cần con người để duy trì và phát triển.)  
3. Thông tin:  
Host: So what will AI do for people? (Vậy AI sẽ làm gì cho con người?)  
Professor Sanders: In the short term, AI will make daily chores a lot easier in many different areas of our lives. It's also really useful when people need to use data to make good decisions. (Về ngắn hạn, AI sẽ khiến các ông việc hàng ngày trở nên dễ dàng hơn rất nhiều trong nhiều khía cạnh khác nhau trong cuộc sống chúng ta. Nó cũng thực sự hữu ích khi mọi người cần sử dụng dữ liệu để đưa ra quyết định đúng đắn.)  
4. Thông tin: Professor Sanders: Consider personal finance. Many people are too busy to keep track of monthly bills or they find it boring. So they develop financial problems. This is where AI can really help organize and improve our lives. (Hãy bàn về tài chính cá nhân. Nhiều người quá bận rộn để theo dõi các hóa đơn hàng tháng hoặc họ cảm thấy việc đó nhàm chán. Do đó, họ gặp các vấn đề tài chính. Đây là khía cạnh AI có thể thực sự giúp tổ chức và cải thiện cuộc sống của chúng ta.)  
5. Thông tin: Professor Sanders: … I'm sure we'll have flying cars. However, we need much more advanced technology to deal with such a task. It's still a long time away, perhaps in 15 years. (… Tôi chắc chắn chúng ta sẽ có ô tô bay. Tuy nhiên, chúng ta cần công nghệ tiên tiến hơn nhiều để làm được điều này. Sẽ còn lâu lắm, có lẽ là 15 năm nữa.)  
6. Thông tin: Professor Sanders: I think that AI could make life on Earth better… (Tôi nghĩ AI có thể khiến cuộc sống trên Trái đất trở nên tốt đẹp hơn...)  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Giáo sư Sanders cho rằng AI sẽ …  
A. khiến mọi người lo lắng.  
B. tạo ra nhiều việc làm.  
C. làm biến mất nhiều việc làm.  
2. Ông ấy nói rằng AI ...  
A. cần con người vận hành.  
B. có thể tự phát triển.  
C. là một robot giống con người.  
3. AI sẽ sớm giúp đỡ con người như thế nào?  
A. khiến con người suy nghĩ về dữ liệu  
B. đưa ra quyết định thay con người  
C. làm cho cuộc sống của con người dễ dàng hơn  
4. Về tài chính cá nhân, nhiều người ...  
A. có rất nhiều hóa đơn.  
B. không giỏi tiết kiệm.  
C. có thể được hưởng lợi từ sự trợ giúp của AI.  
5. Giáo sư Sanders nghĩ gì về ô tô bay?  
A. Chúng ta có công nghệ để tạo ra chúng.  
B. Chúng có thể thực hiện những nhiệm vụ phức tạp.  
C. Chúng ta có thể có chúng trong 15 năm nữa.  
6. Ông ấy nghĩ rằng AI ...  
A. sẽ làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn.  
B. có thể làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn.  
C. sẽ không làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn.  
**Nội dung bài nghe:**  
Host: Professor Sanders, do you think AI is a good thing?  
Professor Sanders: I know some people are worried that AI will take over their jobs. However, AI will actually create more jobs than it will destroy.  
Host: Really?  
Professor Sanders: Yes. Let's remember that AI needs humans to maintain and develop. We won't have human-like robots walking around the streets, doing our shopping for us or looking after our children for some time.  
Host: So what will AI do for people?  
Professor Sanders: In the short term, AI will make daily chores a lot easier in many different areas of our lives. It's also really useful when people need to use data to make good decisions.  
Host: Could you give us an example?  
Professor Sanders: Yes. Consider personal finance. Many people are too busy to keep track of monthly bills or they find it boring. So they develop financial problems. This is where AI can really help organize and improve our lives.  
Host: Great. What about flying cars? Our listeners want to know about them.  
Professor Sanders: People always do. I'm sure we'll have flying cars. However, we need much more advanced technology to deal with such a task. It's still a long time away, perhaps in 15 years.  
Host: So do you think AI is a good thing?  
Professor Sanders: I think that AI could make life on Earth better. However, humans need to be careful not to let AI create more problems. If it isn't managed correctly, the world could become a difficult place to live.  
Host: Thank you, Professor Sanders.  
**Hướng dẫn dịch bài nghe:**  
Người dẫn chương trình: Giáo sư Sanders, ngài có nghĩ AI là một điều tốt không?  
Giáo sư Sanders: Tôi biết một số người lo lắng rằng AI sẽ cướp mất đi công việc của họ. Tuy nhiên, trên thực tế AI sẽ tạo ra nhiều việc làm hơn là cướp đi.  
Người dẫn chương trình: Thật sao ạ?  
Giáo sư Sanders: Đúng vậy. Hãy nhớ rằng AI cần con người để duy trì và phát triển. Chúng ta sẽ không còn những con robot trông giống con người đi lại trên đường phố, mua sắm giúp chúng ta hay chăm sóc con cái chúng ta trong một khoảng thời gian.  
Người dẫn chương trình: Vậy AI sẽ làm gì cho con người?  
Giáo sư Sanders: Về ngắn hạn, AI sẽ khiến các ông việc hàng ngày trở nên dễ dàng hơn rất nhiều trong nhiều khía cạnh khác nhau trong cuộc sống chúng ta. Nó cũng thực sự hữu ích khi mọi người cần sử dụng dữ liệu để đưa ra quyết định đúng đắn.  
Người dẫn chương trình: Giáo sư có thể cho chúng tôi một ví dụ không?  
Giáo sư Sanders: Được chứ. Hãy bàn về tài chính cá nhân. Nhiều người quá bận rộn để theo dõi các hóa đơn hàng tháng hoặc họ cảm thấy việc đó nhàm chán. Do đó, họ gặp các vấn đề tài chính. Đây là khía cạnh AI có thể thực sự giúp tổ chức và cải thiện cuộc sống của chúng ta.  
Người dẫn chương trình: Tuyệt vời. Thế còn ô tô bay thì sao thưa ngài? Khán giả của chúng tôi muốn biết về chúng.  
Giáo sư Sanders: Mọi người luôn muốn biết điều đó. Tôi chắc chắn chúng ta sẽ có ô tô bay. Tuy nhiên, chúng ta cần công nghệ tiên tiến hơn nhiều để làm được điều này. Sẽ còn lâu lắm, có lẽ là 15 năm nữa.  
Người dẫn chương trình: Vậy giáo sư có nghĩ AI là một điều tốt không?  
Giáo sư Sanders: Tôi nghĩ AI có thể khiến cuộc sống trên Trái đất trở nên tốt đẹp hơn. Tuy nhiên, con người cần cẩn thận không để AI tạo ra thêm vấn đề. Nếu không được quản lý đúng cách, thế giới có thể trở thành một nơi khó sống.  
Người dẫn chương trình: Cảm ơn giáo sư Sanders.  
  
**Reading (trang 120 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**Karen and Brian would benefit from AI in different ways. Read the descriptions and decide which feature (A-D) each of them would like the most.** (Karen và Brian sẽ được hưởng lợi từ AI theo nhiều cách khác nhau. Đọc phần mô tả và xác định tính năng nào (A-D) mà mỗi người trong số họ thích nhất.)  
  
  
  
  
1. **Karen** is a businesswoman that doesn't stop working all day long. She loves her work. However, sometimes she wishes she could take more time off and enjoy herself a bit more.   
  
  
   
  
  
A. Household tasks - AI is perfect for automating boring housework like cleaning the floor and doing the laundry.  
  
  
  
  
   
  
  
B. Health monitor - AI can constantly check up on your health through gadgets like your smart watch or your phone. It can let you know if you have a health problem.  
  
  
  
  
2. **Brian** is a student that lives at home with his mom. Brian's mom does all the housework, so he doesn't have to do any! However, most days he’s bored, and he wishes he had some fun things to do.   
  
  
   
  
  
C. Personalized entertainment - AI knows what you like and what you don't like. It can suggest things for you to do.  
  
  
  
  
   
  
  
D. Personal assistant - AI can tell you when your next appointment is, book flights for you, and reserve a table for lunch.  
  
  
  
  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. D  
  
  
2. C  
  
  
  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
  
  
  
  
1. **Karen** là một nữ doanh nhân làm việc không ngừng nghỉ suốt ngày. Cô ấy yêu công việc của mình. Tuy nhiên, đôi khi cô ước mình có nhiều thời gian nghỉ ngơi hơn và có khoảng thời gian vui vẻ nhiều hơn một chút.  
  
  
   
  
  
A. Công việc nhà - AI hoàn hảo để tự động hóa các công việc nhà nhàm chán như lau sàn và giặt giũ.  
  
  
  
  
   
  
  
B. Theo dõi sức khỏe - AI có thể liên tục kiểm tra sức khỏe của bạn thông qua các tiện ích như đồng hồ thông minh hoặc điện thoại của bạn. Nó có thể cho bạn biết nếu bạn gặp vấn đề về sức khoẻ.  
  
  
  
  
2. **Brian** là một học sinh sống ở nhà với mẹ. Mẹ của Brian làm hết việc nhà nên cậu ấy không phải làm gì cả! Tuy nhiên, hầu hết mọi ngày cậu ấy đều cảm thấy buồn chán và ước mình có điều gì đó thú vị để làm.  
  
  
   
  
  
C. Giải trí được cá nhân hóa - AI biết bạn thích và không thích gì. Nó có thể gợi ý những việc để bạn làm.  
  
  
  
  
   
  
  
D. Trợ lý cá nhân - AI có thể cho bạn biết cuộc hẹn tiếp theo của bạn là khi nào, đặt chuyến bay cho bạn và đặt bàn ăn trưa.  
  
  
  
  
  
**Vocabulary (phần a->b trang 120-121 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Fill in each blank with a word from Units 9 and 10. The first letter is already there.** (Điền vào mỗi chỗ trống một từ trong Bài 9 và 10. Chữ cái đầu tiên đã có sẵn rồi.)  
1. AI can sound very friendly and polite, so it will do customer service jobs. However, it won't do counseling work because it doesn't have human e\_\_\_\_\_\_\_.  
2. Due to o\_\_\_\_\_\_\_ the fish population in the sea has gone down sharply in recent years.  
3. They should give more i\_\_\_\_\_\_\_ to businesses for being environmentally friendly.  
4. Some people are worried that AI will r\_\_\_\_\_\_\_ human workers in most jobs.  
5. Humans sometimes make bad decisions in very stressful situations. AI will be good for high-pressure jobs because it always makes l\_\_\_\_\_\_\_ decisions.  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. emotions  
  
  
2. overfishing  
  
  
3. incentives  
  
  
4. replace  
  
  
5. logical  
  
  
  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. AI có thể có giọng nói rất thân thiện và lịch sự nên nó sẽ làm công việc chăm sóc khách hàng. Tuy nhiên, nó sẽ không làm công việc tư vấn vì nó không có cảm xúc như con người.  
2. Do đánh bắt quá mức nên số lượng cá ở biển đã giảm mạnh trong những năm gần đây.  
3. Họ nên đưa ra nhiều ưu đãi hơn cho các doanh nghiệp thân thiện với môi trường.  
4. Một số người lo lắng rằng AI sẽ thay thế con người trong hầu hết các công việc.  
5. Con người đôi khi đưa ra những quyết định không đúng trong những tình huống quá căng thẳng. AI sẽ phù hợp với những công việc có áp lực cao vì nó luôn đưa ra những quyết định hợp lý.  
**b. Fill in each blank with the words from the box. There is one extra word which you do not need to use.** (Điền vào mỗi chỗ trống với các từ trong khung. Có một từ thừa mà bạn không cần phải sử dụng.)  
  
  
  
  
  
tedious basic sensitive complicated artificial obsolete  
  
  
  
  
  
1. I think I need to change my job because it is so \_\_\_\_\_\_\_. I do the same task all day, every day.  
2. Many products contain \_\_\_\_\_\_\_ coloring and flavoring. These are unnatural and could be unhealthy.  
3. A counselor needs to be \_\_\_\_\_\_\_ when listening to people's personal problems.  
4. Computers are becoming more and more \_\_\_\_\_\_\_ as technology advances.  
5. When new technologies start being used, some jobs become \_\_\_\_\_\_\_ and only machines do them.  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. tedious   
  
  
2. artificial   
  
  
3. sensitive   
  
  
4. complicated   
  
  
5. obsolete  
  
  
  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Tôi nghĩ mình cần phải chuyển việc vì nó quá tẻ nhạt. Tôi làm cùng một công việc cả ngày, ngày nào cũng vậy.  
2. Nhiều sản phẩm có chứa phẩm màu và hương liệu nhân tạo. Những thành phần này không có nguồn gốc tự nhiên và có thể không tốt cho sức khỏe.  
3. Người cố vấn cần phải nhạy cảm khi lắng nghe những vấn đề cá nhân của mọi người.  
4. Máy tính ngày càng trở nên phức tạp hơn khi công nghệ tiến bộ.  
5. Khi các công nghệ mới bắt đầu được sử dụng, một số công việc trở nên lỗi thời và chỉ có máy móc mới thực hiện được chúng.  
  
**Grammar (phần a->b trang 121 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Circle the correct disjunct in each of the statements.** (Khoanh tròn định ngữ đúng trong mỗi câu phát biểu.)  
1. *Unfortunately/Fortunately*, there are a lot of people working very hard to help protect the environment.  
2. AI is performing tasks that were previously considered impossible, *surprisingly/hopefully*.  
3. *Hopefully/Surprisingly*, more people will become aware of the problem. The more people know, the better.  
4. We still don't have fully autonomous cars even after years of development, *surprisingly/hopefully*.  
5. Habitat destruction is, *unfortunately/fortunately*, still a major threat to many animal species.  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. Fortunately  
  
  
2. surprisingly  
  
  
3. Hopefully  
  
  
4. surprisingly  
  
  
5. unfortunately  
  
  
  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. May mắn thay, có rất nhiều người đang làm việc rất chăm chỉ để giúp bảo vệ môi trường.  
2. Thật đáng kinh ngạc, AI đang thực hiện những công việc mà trước đây được coi là không thể.  
3. Hy vọng sẽ có nhiều người nhận thức được vấn đề hơn. Càng nhiều người biết thì càng tốt.  
4. Thật đáng ngạc nhiên, chúng ta vẫn chưa có ô tô tự lái hoàn toàn ngay cả sau nhiều năm phát triển.  
5. Thật không may, việc phá hủy môi trường sống vẫn là mối đe dọa lớn đối với nhiều loài động vật.  
**b. Rewrite the pairs of sentences using adverbial clauses of result.** (Viết lại các cặp câu sử dụng mệnh đề trạng ngữ chỉ kết quả.)  
1. Climate change is a serious issue. Action must be taken immediately. (such ... that)  
\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  
2. It's a big problem. Everyone in the world should help. (so ... that)  
\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  
3. Protecting the environment is an important topic. We must never stop discussing it. (so)  
\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  
**Đáp án:**  
1. Climate change is such a serious issue that action must be taken immediately.  
2. The problem is so big that everyone in the world should help.  
3. Protecting the environment is an important topic, so we must never stop discussing it.  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Biến đổi khí hậu là một vấn đề nghiêm trọng. Phải hành động ngay lập tức.  
 Biến đổi khí hậu là một vấn đề quá nghiêm trọng nên cần phải hành động ngay lập tức.  
2. Đó là một vấn đề lớn. Mọi người trên thế giới nên giúp đỡ.  
 Vấn đề quá lớn đến mức mọi người trên thế giới đều phải giúp đỡ.  
3. Bảo vệ môi trường là một chủ đề quan trọng. Chúng ta không bao giờ ngừng thảo luận về nó.  
 Bảo vệ môi trường là một chủ đề quá quan trọng đến nỗi chúng ta không bao giờ ngừng thảo luận về nó.  
  
**Pronunciation (phần a->b trang 121 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Circle the word that differs from the other three in the position of primary stress.** (Khoanh tròn từ khác với ba từ còn lại ở vị trí trọng âm chính.)  
1. A. destruction B. endangered C. recycling D. journalist  
2. A. boycott B. campaign C. marine D. replace  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. D  
  
  
2. A  
  
  
  
  
**Giải thích:**  
1.  
A. destruction /dɪˈstrʌkʃn/ (n): sự phá hủy  
B. endangered /ɪnˈdeɪndʒəd/ (adj): có nguy cơ tuyệt chủng  
C. recycling /ˌriːˈsaɪklɪŋ/ (n): tái chế  
D. journalist /ˈdʒɜːnəlɪst/ (n): nhà báo  
Đáp án D có trọng âm rơi vào âm tiết thứ 1, còn lại rơi vào âm tiết thứ 2.  
Chọn D.  
2.  
A. boycott /ˈbɔɪkɒt/ (v): tẩy chay  
B. campaign /kæmˈpeɪn/ (n): chiến dịch  
C. marine /məˈriːn/ (adj): (liên quan tới) biển  
D. replace /rɪˈpleɪs/ (v): thay thế  
Đáp án A có trọng âm rơi vào âm tiết thứ 1, còn lại rơi vào âm tiết thứ 2.  
Chọn A.  
**b. Circle the word that has the underlined part pronounced differently from the others.** (Khoanh tròn từ có phần gạch chân được phát âm khác với những từ còn lại.)  
1. A. estimted B. automte C. approprite D. complicte  
2. A. aracter B. arity C. emical D. tenology  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. C  
  
  
2. B  
  
  
  
  
**Giải thích:**  
1.  
A. estimted /ˈestɪmeɪtɪd/ (adj): ước tính  
B. automte /ˈɔːtəmeɪt/ (v): tự động hóa  
C. approprite /əˈprəʊpriət/ (adj): thích hợp  
D. complicte /ˈkɒmplɪkeɪt/ (adj): phức tạp  
Đáp án C có phần gạch chân được phát âm là /ə/, còn lại được phát âm là /eɪ/.  
Chọn C.  
2.  
A. aracter /ˈkærəktə(r)/ (n): ký tự  
B. arity /ˈtʃærəti/ (n): tổ chức từ thiện  
C. emical /ˈkemɪkl/ (n): hóa chất  
D. tenology /tekˈnɒlədʒi/ (n): công nghệ  
Đáp án B có phần gạch chân được phát âm là /tʃ/, còn lại được phát âm là /k/.  
Chọn B.  
  
**Speaking (phần a->c trang 121 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. In groups of 2-4: Choose one of the daily life topics listed below to discuss.** (Theo nhóm 2-4: Chọn một trong các chủ đề cuộc sống hàng ngày dưới đây để thảo luận.)  
• Job/career (công việc/nghề nghiệp) • Social life (đời sống xã hội)  
• Hobbies/interests (sở thích/mối quan tâm) • Studies (học tập)  
• Health (sức khỏe) • Home life (đời sống gia đình)  
**Gợi ý:**  
• Hobbies/interests  
**Hướng dẫn dịch:**  
sở thích/mối quan tâm  
**b. Discuss how AI could improve your life in the topic you chose.** (Thảo luận về cách AI có thể cải thiện cuộc sống của bạn trong chủ đề bạn đã chọn.)  
**Gợi ý:**  
- AI algorithms can analyze our preferences, browsing history, and past interactions to offer tailored recommendations for hobbies and interests. Whether it's suggesting new books based on our reading habits, recommending movies or music based on our tastes, or proposing new hobbies to explore, AI can help us discover new avenues for leisure that align with our interests.  
- AI-powered platforms can provide personalized learning experiences tailored to our interests and skill levels. For example, language learning apps can adapt their lessons based on our proficiency and learning pace, while online courses can offer recommendations for subjects related to our hobbies, allowing us to deepen our knowledge and expertise in areas of interest.  
- AI tools such as creative writing assistants, music composition software, and digital art platforms can inspire and assist us in expressing our creativity. These tools can provide suggestions, generate ideas, and offer feedback to support our creative endeavors, whether we're writing stories, composing music, or producing artwork.  
- AI-driven platforms can facilitate connections and collaboration within communities of hobbyists and enthusiasts. Online forums, social networks, and virtual communities powered by AI algorithms can help us find like-minded individuals, share experiences and resources, and collaborate on projects or initiatives related to our hobbies and interests.  
**Hướng dẫn dịch:**  
- Thuật toán AI có thể phân tích sở thích, lịch sử duyệt web và các tương tác trong quá khứ của chúng ta để đưa ra đề xuất phù hợp cho sở thích và mối quan tâm. Cho dù đó là đề xuất sách mới dựa trên thói quen đọc sách, giới thiệu phim hoặc nhạc dựa trên sở thích của chúng ta hay đề xuất những sở thích mới để khám phá, AI có thể giúp chúng ta khám phá những con đường giải trí mới phù hợp với sở thích của chúng ta.  
- Nền tảng được hỗ trợ bởi AI có thể cung cấp trải nghiệm học tập được cá nhân hóa phù hợp với sở thích và trình độ kỹ năng của chúng ta. Ví dụ: các ứng dụng học ngôn ngữ có thể điều chỉnh các bài học dựa trên trình độ và tốc độ học tập của chúng ta, trong khi các khóa học trực tuyến có thể đưa ra đề xuất về các chủ đề liên quan đến sở thích của chúng ta, cho phép chúng ta đào sâu kiến thức và chuyên môn trong các lĩnh vực mà chúng ta quan tâm.  
- Các công cụ AI như trợ lý viết sáng tạo, phần mềm sáng tác nhạc và nền tảng nghệ thuật kỹ thuật số có thể truyền cảm hứng và hỗ trợ chúng ta thể hiện khả năng sáng tạo của mình. Những công cụ này có thể đưa ra đề xuất, tạo ý tưởng và đưa ra phản hồi để hỗ trợ nỗ lực sáng tạo của chúng ta, cho dù chúng ta đang viết truyện, sáng tác nhạc hay sản xuất tác phẩm nghệ thuật.  
- Nền tảng do AI điều khiển có thể tạo điều kiện thuận lợi cho việc kết nối và cộng tác trong cộng đồng những người có cùng sở thích và đam mê. Diễn đàn trực tuyến, mạng xã hội và cộng đồng ảo được hỗ trợ bởi thuật toán AI có thể giúp chúng ta tìm thấy những cá nhân có cùng chí hướng, chia sẻ kinh nghiệm và tài nguyên cũng như cộng tác trong các dự án hoặc sáng kiến liên quan đến sở thích và mối quan tâm của chúng ta.  
**c. Tell another group your ideas.** (Nói với nhóm khác ý tưởng của bạn.)  
  
**Writing (phần a->c trang 121 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. In pairs: Check one of your partner's final writing passages for Units 9-10 using Feedback forms from the lessons.** (Theo cặp: Kiểm tra một trong các đoạn viết cuối của bạn của bạn cho Bài 9-10 bằng cách sử dụng biểu mẫu Phản hồi từ các bài học.)  
**b. Make a list of things you need to remember for your future writing.** (Lập danh sách những điều bạn cần ghi nhớ cho bài viết sau này của mình.)  
**c. Compare your list with another group and add anything you think is useful.** (So sánh danh sách của bạn với một nhóm khác và thêm bất cứ điều gì bạn cho là hữu ích.)  
**Xem thêm các bài giải SGK Tiếng Anh 12 sách ILearn Smart World hay, chi tiết khác:**  
Unit 7: Urbanization  
Unit 8: The Media  
Review 3  
Unit 9: The Green Environment  
Unit 10: Artificial Intelligence